

Số: 29 /TB-VC2-DS

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận thấy việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn. Tranh chấp về nuôi con. Chia tài sản khi ly hôn” giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, bị đơn ông Trương Văn T của Tòa án nhân dân thành phố N tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 79/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN DÂN SỰ

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà H và ông Trương Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2011 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Q. Năm 2018 phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhiều năm nên bà đề nghị được ly hôn ông T.

Bà H và ông T có 01 con chung tên Trương Huỳnh Minh Hằng, sinh ngày 03/7/2012. Ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: 01 nhà, đất tại 314 đường Phạm Xuân Ân, phường H, quận C, thành phố N; 01 nhà, đất tại 73 đường Thái Phiên, phường An Sơn, thành phố T, tỉnh Q; 01 xe mô tô Honda Air Blade, biển kiểm soát 92M1-06005; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 bình tắm nước nóng Kangaroo; 01 điều H Electrolux; 01 giường gỗ; 01 tủ nhôm kính; 01 bộ bàn làm việc; 01 máy giặt Toshiba; 01 máy quạt Senko; 04 máy quạt Asia; 01 tivi Samsung 41 inch; 01 máy in Fuji.

Riêng đối với nhà, đất tại 73 đường Thái Phiên bà H thừa nhận có trước khi ông T kết hôn với bà, nhưng trong thời kỳ hôn nhân ông T vẫn còn nợ tiền mua đất và xây nhà; bà đã cùng ông T trả hết số nợ này vào năm 2016, gồm trả cho Sacombank 100.000.000 đồng, trả cho bà Trương Thị Gái 150.000.000 đồng; vợ chồng còn bỏ ra một khoản tiền để sửa chữa lại nhà, nên công sức đóng góp vào nhà, đất tại 73 đường Thái Phiên của bà và ông T là ngang nhau. Vì vậy ly hôn, bà yêu cầu chia theo đôi tất cả tài sản chung nói trên.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam 245.000.000 đồng, bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay 15.000 đô la Mỹ của ông Long, bà Gái bà không đồng ý số nợ này. Đối với số nợ của ông Trương Văn Tuyển, bà Phan Thị Thanh và bà Trương Thị Ánh Thúy là do ông T vay riêng, bà không chịu trách nhiệm.

Bị đơn ông Trương Văn T, trình bày: Ông T đồng ý thuận tình ly hôn với bà H. Con chung Trương Huỳnh Minh Hằng đang ở với ông. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Nhà, đất tại 73 đường Thái Phiên là tài sản riêng mà ông tạo lập trước thời kỳ hôn nhân với bà H, bà H yêu cầu chia đôi, ông không đồng ý.

Về nợ: Nợ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 275.000.000 đồng do vay để làm nhà 314 đường Phạm Xuân Ẩn, tính đến ngày thụ lý vụ án thì số dư nợ còn khoảng 188.000.000 đồng; Nợ ông Trương Hải Long và bà Trương Thị Gái 15.000 đô la Mỹ; Nợ bà Trương Thị Ánh Thúy và bà Phan Thị Thanh 20.000.000 đồng. Ly hôn, ông yêu cầu vợ chồng cùng trả tất cả số nợ trên.

Tại giai đoạn sơ thẩm, ông Trương Văn Tuyên không yêu cầu ông T bà H trả khoản nợ đối với ông.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

- Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N. quyết định, tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị H và ông Trương Văn T. Giao con chung tên Trương Huỳnh Minh Hằng cho ông Trương Văn T trực tiếp nuôi. Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Giao cho ông Trương Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 nhà đất tại 314 đường Phạm Xuân Ẩn, phường H, quận C, thành phố N; Giao cho bà Huỳnh Thị H quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 92M1-06005; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 bình nước nóng hiệu Kangaroo; 01 điều hòa hiệu Elextrolux; loại gỗ tự nhiên; 01 tủ nhôm kính; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 01 máy quạt hiệu Senko có điều khiển; 01 máy quạt hiệu Asia có điều khiển; 01 máy quạt hiệu Asia; 01 tivi hiệu Samsung 41 inch; 01 máy in hiệu Fuji.

Buộc ông Trương Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị H số tiền chênh lệch 1.404.941.020 đồng.

Về nợ: Buộc ông Trương Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số tiền 227.943.960 đồng, thanh toán cho ông Trương Hải Long và bà Trương Thị Gái số tiền 367.500.000 đồng và thanh toán cho bà Phan Thị Thanh số tiền 20.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm:

Bà H chịu án phí ly hôn 300.000đồng; án phí về cấp dưỡng cho con 300.000đồng; án phí chia tài sản chung 54.148.230đồng, án phí về nợ chung 14.886.099đồng, tổng số tiền án phí bà H phải chịu là 69.634.329đồng;

Ông T chịu án phí chia tài sản chung 54.148.230đồng; án phí nợ 15.886.099đồng, tổng tiền án phí ông T phải chịu là 70.034.329đồng;

Ông Long, bà Gái, bà Phan Thị Thanh và bà Trương Thị Ánh Thúy không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác:

Bà H phải chịu chi phí định giá nhà đất tại 73 đường Thái Phiên là 10.000.000đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá nhà đất tại 314 Phạm Xuân Ẩn là 22.125.000đồng, chi phí giám định 13.000.000đồng, bà H đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

Ông T phải thanh toán cho bà H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng và chi phí định giá nhà, đất tại 314 Phạm Xuân Ẩn là 22.125.000đồng, tổng cộng là 23.125.000đồng.

Kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 10/10/2023, bà Huỳnh Thị Hoà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Ngày 16/10/2023, ông Trương Văn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại các nội dung : bổ sung thời gian và nâng mức trợ cấp nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung cho ông phần công sức nhiều hơn, buộc bà H trả nợ chung cho bà Phan Thị Thị Thanh, xem xét lại chi phí tố tụng khác.

Ngày 03/11/2023 bà Trương Thị Ánh Thúy đại diện ủy quyền của bà Phan Thị Thanh kháng cáo đề nghị Tòa buộc nguyên đơn phải liên đới chịu khoản nợ chung trả cho bà Phan Thị Thanh.

- Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Thúy là người đại diện ủy quyền cho người CNVLQ bà Phan Thị Thanh; Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và một phần kháng cáo của ông Trương Văn T; sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 79/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N về án phí và các chi phí tố tụng khác.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Tòa án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn, xác định tài sản chung, nợ chung và chia tài sản chung cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, lại có vi phạm trong việc quyết định về án phí và chi phí tố tụng khác, cụ thể như sau:

1. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Tòa sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị H và ông Trương Văn T nhưng lại buộc bà H chịu toàn bộ án phí ly hôn 300.000đồng là không đúng qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TVQH qui định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án qui định: “trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí”. Trong vụ án này, án phí ly hôn sơ thẩm bà H phải chịu 50% mức án phí tương ứng số tiền 150.000đồng, ông T phải chịu 50% mức án phí, tương ứng số tiền 150.000đồng mới đúng qui định pháp luật.

- Án phí chia tài sản chung: Tòa sơ thẩm xác định giá trị tài sản chung là 2.841.082.040đồng (sau khi đã trừ khoản nợ chung), bà H, ông T được nhận 1/2 giá trị tài sản trong khối tài sản chung (tương ứng mỗi người được nhận số tiền 1.420.541.020đồng), Tòa sơ thẩm buộc ông T, bà H mỗi người phải chịu án phí 54.148.230đồng là không đúng qui định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326, điểm d mục 1.3 mục II Án phí dân sự ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí sơ thẩm ông T, bà H phải chịu đúng qui định pháp luật là $54.616.230đồng (36 triệu + 3\%(620.541.021đ) = 54.616.230đồng)$.

- Án phí nợ chung: Tòa sơ thẩm xác định nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là 595.443.960đồng và áp dụng điểm b mục 1.3 phần II án phí dân sự ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên buộc bà H phải chịu án phí nợ chung 14.886.099đồng ($595.443.960 \times 5\% : 2$), ông T chịu án phí nợ 15.886.099đồng là không đúng qui định.

Đối với số tiền nợ chung 595.443.960đồng thì phải áp dụng điểm c mục 1.3 phần II Án phí dân sự ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên án phí nợ chung bà H phải chịu là: 13.908.879đồng ($20.000.000 + 4\% \times (595.443.960 - 400.000.000)$). Riêng ông T phải chịu án phí với khoản nợ riêng số tiền 1.000.000đồng và án phí nợ chung là 13.908.879đồng, tổng số tiền án phí nợ là : 14.908.879đồng.

2. Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí giám định chữ viết: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, trong đó ông T yêu cầu giám định Giấy viết tay ngày 22/9/2018 của bà Huỳnh Thị H với chi phí giám định ông T đã nộp là 4.350.000đồng; Đại diện ủy quyền của ông Long bà Gái có yêu cầu độc lập là bà Trương Thị Hóa yêu cầu giám định bức thư ngày 25/7/2015, bà Hóa đã nộp chi phí giám định số tiền 4.000.000đồng; Bà H yêu cầu 02 lần giám định chữ viết bức thư ngày 25/7/2015 và nộp chi phí giám định số tiền 10.000.000đồng. Tổng chi phí giám định chữ viết qua 04 lần là 18.350.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà H không đồng ý với khoản nợ chung đối với ông Long, bà Gái (khoản nợ 15.000 đô la Mỹ) nhưng căn cứ tài liệu chứng cứ và kết luận giám định chữ viết qua các lần giám định tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Long, bà Gái nên bà H phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí giám định, tòa sơ thẩm buộc bà H phải chịu 13.000.000đồng chi phí giám định là chưa phù hợp với thực tế số tiền các đương sự đã nộp qua 4 lần giám định, đồng thời không buộc bà H phải có trách nhiệm bồi trả lại số tiền tạm ứng chi phí giám định mà ông T đã nộp 4.350.000đồng, bà Hóa đã nộp thay ông Long, bà Gái 4.000.000đồng là không đúng qui định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tiên và ông Long, bà Gái. Do đó, cấp phúc thẩm đã buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán chi phí giám định cho ông Tiên số tiền 4.350.000đồng và cho ông Long, bà Gái số tiền 4.000.000đồng.

- Về chi phí thẩm định, định giá đối với tài sản chung : Tài sản chung các bên yêu cầu và thẩm định, định giá 3 lần với tổng số tiền là 44.250.000đồng, mỗi bên chịu ½ tương ứng số tiền: 22.125.000đồng. Tòa sơ thẩm tuyên buộc ông T phải thanh toán cho bà H chi phí tố tụng khác là 23.125.000đồng là chưa đúng qui định tại khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, bởi theo tài liệu hồ sơ và chứng từ ông T, bà H cung cấp thể hiện: lần 1 số tiền 13.650.000đồng, bà H nộp 12.000.000đồng; ông T nộp 1.650.000đồng; lần 2 số tiền 13.600đồng và lần 3 số tiền 17.000.000đồng đều do ông T nộp. Do đó, cấp phúc thẩm đã buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền 10.175.000đồng (22.125.000đồng – 12.000.000đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm thực hiện giám định chữ viết và thẩm định, định giá tài sản chung nhiều lần nhưng lại không lưu đầy đủ các biên lai mà các đương sự đã nộp cho tòa án, dẫn đến khi quyết định về chi phí giám định, chi phí thẩm định, định giá đã có sai lầm trong việc đối trừ nghĩa vụ giữa các đương sự, bỏ sót các khoản tiền mà bị đơn và người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập đã nộp làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người CQLNVLQ, đồng thời cấp sơ thẩm áp dụng qui định về tính án phí còn có sai sót. Do đó, cấp phúc thẩm đã quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N về án phí và chi phí tố tụng khác như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N không phát hiện kịp thời vi phạm của tòa án cấp sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng khác để kháng nghị theo

thủ tục phúc thẩm hoặc đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm là thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân các địa phương khu vực Miền Trung - Tây Nguyên cùng tham khảo, rút kinh nghiệm khi kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự tương tự. /: *Ph*

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng – PVT VKSTC(để b/c);
- Vụ 9; Vụ 14 VKSTC; VC1; VC3 ;
- VKSND 12 tỉnh khu vực MT-TN;
- Lãnh đạo VC2;
- Viện nghiệp vụ VC2;
- Trang thông tin điện tử VC2;
- Lưu VP, HSKS, V2, V4.



Phan Vũ Hoàng